

Số: 26/2024/QĐST-HNGĐ

Quảng Bình, ngày 16 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thái Sơn;

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Vĩnh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 09/2024/TLST-VDS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”; theo Quyết định mở phiên họp số: 307/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Trương Thị Thu H**, sinh năm 1993; số hộ chiếu: N2079555 do **Đ1** tại **L, Cộng hòa A-Gô-La** cấp ngày 18/10/2019; địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình**; Hiện đang cư trú tại: **Ofenbacher L, F F, CHLB Đ**. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Anh **Tạ Quang M**, sinh năm 1994; số hộ chiếu: N2247437 do **T** tại Phrăng-Phuốc/Frankfurt am Main, CHLB Đức cấp ngày 04/11/2020; địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Xã M, huyện M, tỉnh Hưng Yên**. Hiện đang cư trú tại: **Ofenbacher L, F F, CHLB Đ**. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn” lập ngày 11/12/2023, chị **Trương Thị Thu H** và anh **Tạ Quang M** thống nhất trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Trương Thị Thu H** và anh **Tạ Quang M** có quá trình tìm hiểu và cả hai cùng thống nhất đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại **T** tại **F am M, CHLB Đ**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Về sau, do tính chất công việc nên hai vợ chồng ít có thời gian quan tâm, chăm sóc vun vén cho gia đình. Đầu năm 2023 cho đến nay, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau và sự thông cảm chia sẻ nên thường xảy ra cãi vã, bất hòa. Tình trạng này tiếp diễn thường xuyên, kéo dài nên không còn khả năng khắc phục. Nay chị **H** và anh **M** thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị **H** và anh **M** làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình công nhận thuận tình ly hôn.

- *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị **H**, anh **M** không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị **Trương Thị Thu H** và anh **Tạ Quang M** có xác nhận của **T** tại **Frankfurt am M1, CHLB Đ** nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; sau khi thụ lý Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 369, 370 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Trương Thị Thu H** và anh **Tạ Quang M**; con chung: không có con chung nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; đương sự chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị **Trương Thị Thu H** và anh **Tạ Quang M**, hiện cư trú tại **CHLB Đ** có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, đơn có chứng thực của **T** tại **Frankfurt am M1, CHLB Đ**. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Sau khi thụ lý việc dân sự, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho chị **Trương Thị Thu H** và anh **Tạ Quang M** ở nước ngoài theo quy định tại các Điều 474, 475 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngày 19/6/2024 và ngày 27/6/2024, Tòa án nhận được Bản tự khai, đơn yêu cầu về việc sớm giải quyết vụ việc của chị **Trương Thị Thu H** và anh **Tạ Quang M** có chứng thực của **T** tại **Frankfurt am M1, CHLB Đ**. Các bản tự khai của chị **H** và anh **M** có nội dung thống nhất như Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn lập ngày 28/3/2024. Vì điều kiện công việc và hoàn cảnh nên chị **H** và anh **M** không thể có mặt để tham gia phiên họp nên chị **H** và anh **M** đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung xét đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị **Trương Thị Thu H** và anh **Tạ Quang M**, nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trương Thị Thu H** và anh **Tạ Quang M** kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **T** tại **F am Main, CHLB Đ** vào ngày 22/03/2023 theo đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do tính chất công việc nên hai vợ chồng ít có thời gian quan tâm, chăm sóc vun vén cho gia đình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, cả hai cùng tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Vì vậy, cần công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị **Trương Thị Thu H** và anh **Tạ Quang M** là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị **H** và anh **M** không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị **H** và anh **M** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.4]. Về chi phí tố tụng và lệ phí giải quyết việc dân sự: Các đương sự phải chịu Lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí tố tụng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 149, các Điều 366, 367, 369, Điều 370, Điều 371 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 55, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trương Thị Thu H** và anh **Tạ Quang M**.

[2]. Về quan hệ con chung: Không xem xét.

[3]. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

[4]. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Trương Thị Thu H** và anh **Tạ Quang M** phải chịu nộp toàn bộ 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 0004889 ngày 03/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (chị **H**, anh **M** đã nộp đủ).

Về chi phí tố tụng: Chị **H** phải chịu 170.290 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài (Chị **H** đã nộp đủ tại Tòa án).

[5]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Frankfurt am Main, CHLB Đức;
- Các đương sự;
- Đăng công TTĐTTA;
- Lưu: HS, Tòa DS, VP.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

đã ký

Nguyễn Thái Sơn